TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/DS - PT
Ngày: 05 - 6 - 2019
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiền

Ông Lưu Văn Uẩn

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 11/TB-TA ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 2, 296 P, Phường 7, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy của Ngân hàng: Ông Phan Thanh H, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tầng 2, 296 P, Phường 7, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 11042/2018 ngày 16 tháng 5 năm 2018).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Bạch H1, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Nhà không số, khu phố X, Phường Y, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T - nguyên đơn; bà Lê Thị Bạch H1 - bị đơn.

(Ông H và bà H1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T do ông Phan Thanh H đại diện trình bày:

Tại giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn được bộ phận kinh doanh đề xuất vào ngày 04 tháng 11 năm 2016. Ngân hàng đồng ý cho bà Lê Thị Bạch H1 vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), vay tín chấp, thời hạn vay 48 tháng, phương thức trả niên kim đều, lãi suất 30%/năm (2.5%/tháng), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: mua đồ tiêu dùng. Ngày 09 tháng 11 năm 2016, Ngân hàng giải ngân cho bà H1 số tiền 192.560.000 đồng, còn số tiền 7.439.832 đồng được trừ vào chi phí mua bảo hiểm tiền vay. Từ ngày vay đến nay, bà H1 nộp cho Ngân hàng được 17 lần (kèm theo bản sao kê), hình thức nộp tiền vào tài khoản của bà H1 tại Ngân hàng. Bà H1 đã trả được số tiền gốc và lãi là 70.478.000 đồng (trong đó tiền gốc là 21.780.124 đồng, tiền lãi là 48.697.876 đồng). Nhưng từ ngày 18 tháng 11 năm 2017 cho tới nay, bà H1 không thanh toán cho Ngân hàng thêm bất cứ khoản tiền nào. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với bà H1 nhiều lần về việc trả tiền nhưng đến nay bà H1 không trả cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 263.137.656 đồng, trong đó, nợ gốc là 178.219.876 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 là 84.917.780 đồng (tiền lãi trong hạn 60.194.228 đồng và tiền lãi quá hạn 24.723.552 đồng), yêu cầu trả một lần. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 cho đến khi bà H1 thanh toán nợ xong.

Bị đơn bà Lê Thị Bạch H1 trình bày:

Bà thừa nhận có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền theo hợp đồng vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nhưng đến ngày 10 tháng 11 năm 2016 bà nhận trực tiếp số tiền tại Ngân hàng là 190.560.000 đồng. Nhân viên lập hợp đồng (tên H2) lấy 2.000.000 đồng (tiền phí làm hợp đồng), số tiền hơn 7.000.000 đồng Ngân hàng nói trừ tiền đóng bảo hiểm nhưng trước đó Ngân hàng không giải thích nên bà hoàn toàn không biết việc này.

Khi vay nhân viên tiếp thị nói mức lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng, nên bà đồng ý vay. Mục đích vay là kinh doanh ngó sen vì bà đã được cấp giấy hoạt động kinh doanh và khi lập hợp đồng vay, bà có cung cấp bản photo giấy chứng nhận kinh doanh ngó sen cho Ngân hàng.

Sau khi vay, bà hoàn toàn không được Ngân hàng cung cấp hợp đồng vay, nên không biết việc Ngân hàng ghi lãi suất 30%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Bà là người dân lao động, có thu nhập thấp, nếu biết việc Ngân hàng cho vay mức lãi suất 30%/năm thì bà không dám đi vay số tiền trên. Sau khi Ngân hàng khởi kiện bà biết mục đích vay trong hợp đồng Ngân hàng ghi tiêu dùng là không đúng (do nhân viên Ngân hàng tự ý ghi).

Từ ngày 09 tháng 11 năm 2016 đến ngày 17 tháng 11 năm 2017, bà đã trả cho Ngân hàng được số tiền là 81.195.000 đồng, qua 20 lần thanh toán, hình thức trả gửi tiền qua Bưu điện và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã K (bà đã cung cấp phiếu gửi tiền).

Vì vậy, bà chỉ đồng ý trả số tiền thực nhận từ Ngân hàng là 190.560.000 đồng và trừ vào số tiền bà đã gửi trả cho Ngân hàng là 81.195.000 đồng. Nên bà chỉ còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 110.065.000 đồng và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên, đồng ý trả lãi theo mức lãi thỏa thuận ban đầu là 1,5%/ tháng, tính từ ngày nhận tiền là ngày 10 tháng 11 năm 2016. Không đồng ý trả lãi từ sau ngày Ngân hàng khởi kiện là ngày 11 tháng 5 năm 2018. Do hoàn cảnh khó khăn, chồng bà bị tai biến, gia đình bà có sổ hộ nghèo/cận nghèo được Ủy ban nhân dân Phường X, thị xã K, tỉnh Long An chứng nhận vào năm 2018 nên bà xin được trả dần theo hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền là 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã K quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Buộc bà Lê Thị Bạch H1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 190.389.795 đồng, (một trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 bà Lê Thị Bạch H1 phải chịu lãi trên số nợ gốc chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T, yêu cầu bà Lê Thị Bạch H1 trả số tiền 72.747.861 đồng (bảy mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 263.137.656 đồng, trong đó, nợ gốc là 178.219.876 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 là 84.917.780 đồng (tiền lãi trong hạn 60.194.228 đồng và tiền lãi quá hạn 24.723.552 đồng), yêu cầu trả một lần. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi bà H1 thanh toán nợ xong.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, bà Lê Thị Bạch H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và không tính lãi từ ngày 26/10/2018 do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngân hàng thừa nhận không có trực tiếp gởi hợp đồng tín dụng cho bà H1 mà gởi qua dịch vụ bưu điện là thiếu sót. Tuy nhiên bà H1 thừa nhận có ký kết giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn và Giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Đây là thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà H1. Do đó, đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T là có căn cứ chấp nhận. Bà H1 cho rằng giữa bà và Ngân hàng có thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T; không chấp nhận kháng cáo của bà H1, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa chính xác, bởi lẽ, một trong các hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T là cấp tín dụng bằng hình thức cho vay nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T chỉ yêu cầu cá nhân bà H1 chịu trách nhiệm trả nợ và bà H1 cũng đồng ý; bà H1 cũng thừa nhận bà không được cấp giấy chứng nhận hộ kinh doanh.

[3] Về lãi suất

Ngày 04 tháng 11 năm 2016, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T và bà Lê Thị Bạch H1 có ký kết giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn với số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 48 tháng, phương thức trả niên kim đều, lãi suất cho vay trong hạn tối đa 30%/năm, lãi quá hạn bằng

150% lãi trong hạn. Mục đích vay: mua xe, ti vi. Nội dung trên được Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T xác nhận, chấp thuận cho vay ngày 09 tháng 11 năm 2016. Kèm theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn là Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân đều có chữ ký từng trang của bà Lê Thị Bạch H1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1 cũng thừa nhận các chữ ký xác nhận các nội dung trên là của bà H1.

Tại khoản 5 phần VI của Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn bà H1 đã ký xác nhận nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng và được coi là thỏa thuận chính thức giữa bà H1 và Ngân hàng. Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/11/2016 được Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T – Chi nhánh Long An duyệt ngày 09/11/2016 và Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng có đầy đủ nội dung của một hợp đồng tín dụng.

Như vậy có căn cứ xác định khoản vay trên có mức lãi suất trong hạn tối đa là 30%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn đã được Ngân hàng và bà H1 thỏa thuận. Bà H1 trình bày, Ngân hàng không có giao hợp đồng tín dụng cho bà; Ngân hàng cho rằng có gởi hợp đồng tín dụng cho bà H1 qua dịch vụ bưu điện mà không gởi trực tiếp cho bà H1 là thiếu sót. Tuy nhiên, bà H1 cũng đã đồng ý thực hiện việc trả gốc và lãi theo thỏa thuận trên được 17 kỳ. Bà H1 cho rằng bà chỉ thỏa thuận với Ngân hàng mức lãi suất 1,5%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nợ gốc và thời điểm tính lãi

Tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn được Ngân hàng phê duyệt ngày 09 tháng 11 năm 2016, ngân hàng cho bà H1 vay 200.000.000 đồng.

Tại Giấy yêu cầu bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng ngày 03/11/2016, bà H1 ký tên người tham gia bảo hiểm và ngày 09/11/2016 Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T với vai trò là đại lý bảo hiểm GIC đã chứng nhận bảo hiểm cho bà Lê Thị Bạch H1 ngày 09/11/2016. Ngày 09 tháng 11 năm 2016, Ngân hàng giải ngân cho bà H1 số tiền 192.560.000 đồng, còn số tiền 7.439.832 đồng được trừ vào chi phí mua bảo hiểm tiền vay. Do đó, có căn cứ xác định bà H1 đồng ý tham gia bảo hiểm. Bà H1 cho rằng sau khi nhận số tiền 192.560.000 đồng, bà phải giao cho nhân viên tên H2 2.000.000 đồng chi phí làm hợp đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Như vậy, bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc trên số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng chứ không phải trên số tiền bà H1 thực nhận là 192.560.000 đồng và Ngân hàng ban hành Giấy chứng nhận bảo hiểm cho bà H1 vào ngày 09/11/2016 nên xác định thời điểm tính lãi của số tiền gốc vay 200.000.000 đồng từ ngày 09/11/2016 là phù hợp. Tại phần xác nhận, chấp thuận cho vay trên Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn được Ngân hàng phê

duyệt ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ngân hàng quy định, bên vay phải trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo định kỳ một tháng một lần vào ngày 09, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 09/12/2016, như vậy thời điểm tính lãi của số tiền gốc vay 200.000.000 đồng là từ ngày 09/11/2016 cũng được coi là thỏa thuận chính thức giữa bà H1 và Ngân hàng.

[5] Về trả gốc và lãi

Từ ngày vay đến nay, bà H1 trả cho Ngân hàng được 17 kỳ, nhưng từ ngày 18 tháng 11 năm 2017 cho tới nay, bà H1 không thanh toán cho Ngân hàng thêm bất cứ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi. Bà H1 cho rằng bà đã trả cho Ngân hàng tổng cộng là 81.895.000 đồng, trong đó có giấy nộp tiền tổng cộng là 79.800.000 đồng và mất giấy nộp tiền tổng cộng là 2.095.000 đồng.

Đối với các khoản bà H1 đã trả có giấy nộp tiền được Ngân hàng thừa nhận là 68.300.000 đồng, còn giấy nộp tiền ngày 20/05/2017 với số tiền 7.500.000 đồng và giấy nộp tiền ngày 08/11/2017 với số tiền 4.000.000 đồng do bà H1 cung cấp Ngân hàng không thừa nhận. Xét thấy, khoản 4.000.000 đồng bà H1 có nộp tại Ngân hàng Agribank- Chi nhánh thị xã K nhưng tại văn bản số 28/NHNo.LA-KTNB.m ngày 03/4/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Lon An xác định khoản tiền 4.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 08/11/2017 Agribank Chi nhánh thị xã K đã hoàn trả cho khách hàng Lê Thị Bạch H1, do tên và tài khoản đơn vị hưởng không khớp (có chứng từ chi tiền ngày 10/11/2017 kèm theo); đối với khoản 7.500.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 20/05/2017, Agribank Chi nhánh thị xã K không có thực hiện giao dịch và chuyển tiền của bà Lê Thị Bạch H1 đến tài khoản số 110857306 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T. Ngày 20/05/2017 là ngày nghỉ hàng tuần (ngày thứ bảy) theo quy định của Agribank Chi nhánh tỉnh Long An, do đó Agribank Chi nhánh thị xã K không có mở cửa giao dịch với khác hàng và không có phát sinh chứng từ giao dịch, bà H1 không cung cấp được bản chính giấy nộp tiền ngày 20/05/2017 với số tiền 7.500.000 đồng, bà H1 chỉ cung cấp bản pho to, không có chữ ký của khách hàng và chữ ký của Kiểm soát viên nên chưa đủ điều kiện để hạch toán nộp và chuyển tiền theo quy định hiện hành trong hệ thống Agribank. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cũng thừa nhận hai khoản tiền trên bà không có trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T. Đối chiếu với bảng kê của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T về số tiền bà H1 đã trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T thì hai khoản tiền này không được chuyển vào tài khoản 110857306 của bà H1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T. Đối với các khoản bà H1 đã trả không có cung cấp được giấy nộp tiền nhưng sau khi đối chiếu các bản sao kê tài khoản của Ngân hàng và được Ngân hàng thừa nhận là khoản 75.000 đồng (ngày 25/01/20170, khoản 20.000 đồng (ngày 22/02/2017) và khoản 83.000 đồng (ngày 04/5/2017) bà H1 không có kê khai nhưng có trong bảng kê của Ngân hàng. Như vậy, có căn cứ xác định bà H1 đã trả cho Ngân hàng tổng cộng là 68.478.000 đồng. Nhưng theo bảng kê của Ngân hàng thì bà H1 đã trả tổng cộng là 70.478.000 đồng (trong đó tiền gốc 21.780.124 đồng và

lãi 48.697.876 đồng) và Ngân hàng cũng đồng ý số tiền bà H1 đã trả cho Ngân hàng theo bảng kê tổng cộng 70.478.000 đồng nên xác định số tiền bà H1 đã trả cho Ngân hàng là 70.478.000 đồng.

Từ ngày 09/11/2016 đến ngày 25/10/2018 (bảng chi tiết tính lãi tiền vay trong hạn và quá hạn- bút lục số 95) thì bà H1 phải trả cho Ngân hàng tiền lãi trong hạn là 108.892.104 đồng và lãi quá hạn là 24.723.552 đồng. Khấu trừ số tiền bà H1 đã trả tiền gốc 21.780.124 đồng và lãi 48.697.876 đồng nên bà H1 còn thiếu Ngân hàng tiền gốc 178.219.876 đồng và tiền lãi 84.917.780 đồng (trong đó lãi trong hạn 60.194.228 đồng và lãi quá hạn 24.723.552 đồng). Tổng cộng gốc và lãi bà H1 phải trả cho Ngân hàng là 263.137.656 đồng. Do đó, kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 263.137.656 đồng, trong đó, nợ gốc là 178.219.876 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 là 84.917.780 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bà H1 kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và không tính lãi từ ngày 26/10/2018 nhưng không được Ngân hàng đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà H1.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền thực vay của bà H1 là 192.560.000 đồng, thời điểm tính lãi từ ngày 10 tháng 11 năm 2016, số tiền bà H1 đã trả 81.195.000 đồng và điều chỉnh mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng, vì đây là hợp dồng tín dụng và tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cũng không đúng. Cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T. Buộc bà Lê Thị Bạch H1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 263.137.656 đồng, trong đó, nợ gốc là 178.219.876 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 là 84.917.780 đồng. Kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Bạch H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/11/2016 được Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T – Chi nhánh Long An duyệt ngày 09/11/2016 và Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị Bạch H1 thuộc trường hợp gia đình hộ cận nghèo được chính quyền địa phương xác nhận và có yêu cầu được miễn án phí nên được miễn tòan bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa bản án sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T kháng cáo liên quan đến phần bản án phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị Bạch H1 thuộc trường hợp gia đình hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Bạch H1;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã K;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Buộc bà Lê Thị Bạch H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 263.137.656 đồng, trong đó, nợ gốc là 178.219.876 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25 tháng 10 năm 2018 là 84.917.780 đồng.

Kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Bạch H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 04/11/2016 được Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T – Chi nhánh Long An duyệt ngày 09/11/2016 và Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị Bạch H1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 5.604.500 đồng (Năm triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0006804 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006974 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

Bà Lê Thị Bạch H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX. K;
- Chi cục THADS TX. K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu